

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HSST
Ngày 02 - 4 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đàm Thị Tư.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lam

Bà Nguyễn Thị Oanh

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang tham gia phiên tòa:
Ông Vi Lương Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 10/2021/HSST ngày 23 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST-HS ngày 19/3/2021 đối với bị cáo:

Trần Văn T, sinh ngày 20/9/1993 tại huyện N, thành phố H; nơi cư trú: Thôn M, xã C, huyện N, thành phố H; Số CMND: 001093011201 cấp ngày 16/5/2019, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn T, sinh năm 1967 (đã chết) và bà Lê Thị H, sinh năm 1972; vợ, con chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/12/2020. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Triệu Văn Đ, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn N, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang (Đã chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Triệu Văn M (là bố đẻ của bị hại Triệu Văn Đ), sinh năm 1966, nơi cư trú: Thôn N, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Số CMND: 073065903 cấp ngày 09/8/2013, nơi cấp: Công an tỉnh Hà Giang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn dân sự: Công ty trách nhiệm hữu hạn Vận tải Q; địa chỉ: Phường Đ, quận H, thành phố P. Người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Thành N - Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thành N là ông Lê Bá C, sinh năm 1971, nơi cư trú: Khu 5, phường T, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. Số CMND: 135085037 cấp ngày 22/10/2013, nơi cấp: Công an tỉnh Vĩnh Phúc. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Hữu T, sinh năm 1994; nơi cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Số CMND: 073364485 cấp ngày 25/3/2013, nơi cấp: Công an tỉnh Hà Giang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Anh Nguyễn H, sinh năm 2006. Vắng mặt

+ Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn T, sinh năm 1993, trú tại thôn Ma, xã C, huyện M, Thành phố Hà Nội là nhân viên lái xe cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Vận tải Q, địa chỉ tại Phường Đ, quận H, thành phố P. Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 29/9/2020, T được giao nhiệm vụ điều khiển xe ô tô BKS 29LD - 031.62 chở 19 xe máy nhãn hiệu HONDA từ tỉnh Vĩnh Phúc đi tỉnh Hà Giang để giao cho các đại lý. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, T điều khiển xe đến khu vực thị trấn V, huyện Brời dừng và giao 14 xe máy cho cửa hàng HONDA N thuộc tổ 3, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Sau đó, T tiếp tục điều khiển xe ô tô lên Hà Giang. Khoảng 12 giờ 55 phút, khi đi đến khu vực Km 48 + 700 Quốc lộ II, thuộc thôn T, xã V, huyện B, T điều khiển xe ô tô chạy với vận tốc khoảng 52Km/h, T quan sát thấy phía trước 01 (một) nam thanh niên cởi trần, không đội mũ bảo hiểm điều khiển xe mô tô BKS 23G1 - 095.91 đi ngược chiều đang đi sang làn đường của Tuyên với tốc độ cao để vượt xe ô tô tải phía trước cùng chiều. Thấy vậy, T đã giảm tốc độ và bấm còi báo hiệu. Khi khoảng cách giữa T và Đại chỉ còn khoảng 20 mét, T vẫn thấy người thanh niên di chuyển nhanh và lấn sang làn đường của T nên T đã phanh xe (tạo nên vết phanh kép trên mặt đường nhựa dài 14 mét, rộng 40cm) rồi đánh lái sang bên trái, hướng Tuyên Quang - Hà Giang để tránh xe mô tô của người đó. Đồng thời lúc đó, người thanh niên cũng điều khiển xe mô tô đi về bên phải theo chiều đi của mình, nên phần đầu xe ô tô phía trước bên lái đã va chạm vào xe mô tô, đẩy xe mô tô ngược lại, còn người thanh niên bị ngã văng vào sát mép đường nhựa phải (hướng Hà Giang - Tuyên Quang). Hậu quả, hai phương tiện hư hỏng, người thanh niên (là Triệu Văn Đ, cư trú tại: Thôn N, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang) bị thương tích nặng được đưa đến Bệnh viện đa khoa khu vực huyện B cấp cứu, đến ngày 02/10/2020 thì tử vong.

Ngày 29/9/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang đã xét nghiệm chất ma túy trong nước tiểu và kiểm tra nồng độ cồn đối với Trần Văn T

và Triệu Văn Đ. Kết quả kiểm tra: Trần Văn T không sử dụng ma túy, nồng độ còn là 0,000mg/l khí thở; Triệu Văn Đ có nồng độ còn là 0,302mg/l khí thở.

Ngày 02/10/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang ra quyết định số 178 trưng cầu giám Trung tâm pháp y tỉnh Hà Giang giám định nguyên nhân dẫn đến tử vong đối với Triệu Văn Đ. Tại Bản kết luận giám định pháp y tử thi số 36/TT ngày 07/10/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Hà Giang kết luận nguyên nhân Triệu Văn Đ chết: *“Chấn thương sọ não nặng: Chảy máu, tụ máu ngoài màng cứng, vùng thái dương - đỉnh trái diện rộng; Phù não, chảy - tụ máu dưới màng cứng toàn bộ bán cầu đại não phải; Vỡ xương vòm sọ, nền sọ; Gãy 1/3 xương đùi trái”*.

Ngày 12/10/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang ban hành Quyết định số 203 Trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang giám định ấn phẩm là 01 (một) giấy phép lái xe số 260180016439 hạng D mang tên Trần Văn T do Sở giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 30/8/2018 là thật hay giả. Tại bản kết luận giám định số 348/KL-PC09 ngày 16/10/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang kết luận: *“Giấy phép lái xe gửi giám định là giấy phép lái xe thật”*.

Ngày 22/10/2020 Cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Quang ban hành Quyết định số 207 Trưng cầu Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới tỉnh Hà Giang giám định các thông số kỹ thuật và hệ thống an toàn của xe ô tô BKS 29LD - 031.62. Tại bản Kết luận số 294/KL-TTĐK ngày 10/11/2020 của Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới tỉnh Hà Giang kết luận:

“- Giấy chứng nhận ATKT & BVMT của xe ô tô 29LD - 031.62 còn hiệu lực (có giá trị đến ngày 06/01/2021);

- Hiệu quả phanh chính của xe trên đường thử đạt giá trị cho phép;

- Hiệu quả phanh đỗ của xe trên đường thử đạt giá trị cho phép;

- Hệ thống lái, hệ thống treo, hệ thống truyền lực của xe ô tô 29LD - 031.62 hoạt động bình thường, Một số chi tiết trong hệ thống, tổng thành hư hỏng cần khắc phục trước khi tham gia giao thông, cụ thể là: kính chắn gió phía trước nứt, vỡ.”

Ngày 04/12/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang ban hành công văn 165/CV-CQĐT gửi Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới tỉnh Hà Giang đề nghị cung cấp thông tin đối với phương tiện xe ô tô Biển kiểm soát 29LD-031.62 khi điều khiển chạy với tốc độ 52 km/h, sau đó lái xe, đạp phanh để lại vết phanh trên mặt đường nhựa có chiều dài 14m thì xe ô tô có thể đánh lái được không? Hệ thống lái có liên quan đến phanh không?

Ngày 21/12/2020, Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới – Sở Giao thông vận tải tỉnh Hà Giang có công văn phúc đáp số 315/TTĐK-VP gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Bắc Quang trả lời: *“...Trong trường hợp chỉ xảy ra trượt lê ở các bánh sau thì phương tiện chỉ mất tính ổn định, người lái vẫn có thể thay đổi được hướng chuyển động của xe ô tô...”*

Ngày 16/10/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang ban hành văn bản số 59 yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Bắc Quang định giá các bộ phận bị hư hỏng sau tai nạn của xe mô tô BKS 23G1 - 095.91 và xe ô tô BKS 29LD - 031.62. Tại bản kết luận định giá tài sản số 59KL-HĐĐGTS ngày 28/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bắc Quang kết luận:

- 01 (một) xe mô tô BKS 23G1 - 095.91 nhãn hiệu: LIFAN, sản xuất năm 2016 các bộ phận bị hư hỏng có kết quả định giá là 2.580.000đ (hai triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng) cả công thay thế.

- 01 (một) xe ô tô BKS 29LD - 031.62, nhãn hiệu ISUZU loại xe tải có mui màu sơn trắng, sản xuất năm 2007 các bộ phận bị hư hỏng có kết quả định giá là 15.477.000đ (mười lăm triệu bốn trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) cả công thay thế.

Trên cơ sở các dấu vết để lại trên hiện trường, các dấu vết trên phương tiện xe ô tô biển kiểm soát 29LD - 031.62 và xe mô tô biển kiểm soát 23G1 - 095.91. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang xác định, lỗi do Trần Văn T, khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông tránh xe đi ngược chiều đã không đi về bên phải theo chiều đi của mình lấn sang phần đường bên trái va chạm vào xe mô tô do Triệu Văn Đ điều khiển dẫn đến tai nạn giao thông vi phạm khoản 1 Điều 17 Luật giao thông đường bộ. Hậu quả xảy ra làm anh Triệu Văn Đ tử vong và làm chiếc xe mô tô biển kiểm soát 23G1 - 095.91 và xe ô tô biển kiểm soát 29LD - 031.62 bị hư hỏng có tổng giá trị thiệt hại là 18.057.000 đồng (Mười tám triệu không trăm năm mươi bảy nghìn đồng)

Với hành vi trên, tại Cáo trạng số 11/CT-VKS-BQ ngày 21/02/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã truy tố Trần Văn T về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, tại phiên toà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang vẫn giữ nguyên quyết định truy tố Trần Văn T về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Về điều luật và hình phạt: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1, Điều 260, Điều 36, điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 09 tháng đến 12 tháng Cải tạo không giam giữ.

Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong 01 ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo Trần Văn T được tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, thành phố H nhận được Bản án và Quyết định thi hành án. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Trường hợp người chấp hành án đi khỏi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

- Đề nghị miễn khấu trừ thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Văn T.

Về trách nhiệm dân sự: Tại giai đoạn điều tra các bên đương sự đã tự thỏa thuận xong phần trách nhiệm bồi thường thiệt hại, nay không ai có yêu cầu bồi thường về trách nhiệm dân sự nữa nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và áp dụng Điều 46 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử trả lại bị cáo Trần Văn T 01 (một) giấy phép lái xe hạng D số 260180016439 mang tên Trần Văn T, ngày sinh: 20/9/1993, nơi cư trú xã C, huyện N, thành phố H có giá trị đến ngày 30/8/2023.

Phản tranh luận, bị cáo nhất trí với tội danh, điều luật và mức hình phạt Viện kiểm sát đã đề nghị và tại lời nói sau cùng bị cáo đề nghị hội đồng xét xử xem xét cho hưởng mức án thấp nhất để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm trở thành người công dân có ích cho xã hội và đề nghị không khấu trừ thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện Bắc Quang, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; tại phiên tòa Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, vắng mặt người đại diện hợp pháp của bị hại, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, nhưng trước đó họ đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và có đầy đủ lời khai có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Xét thấy sự vắng mặt của các đương sự không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo có đơn từ chối người bào chữa. Căn cứ Điều 77 Bộ luật tố tụng hình sự, xét thấy bị cáo là người có quyền từ chối người bào chữa, bản thân bị cáo là người có đủ năng lực hành vi và năng lực trách nhiệm hình sự, có đủ

khả năng đề tự bào chữa cho mình nên việc từ chối người bào chữa của bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật cần được chấp nhận.

[4] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Văn T tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của đại diện hợp pháp của bị hại, bị đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ như: Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường ngày 29/9/2020, bản ảnh khám nghiệm hiện trường; biên bản khám nghiệm tử thi, bản ảnh tử thi ngày 02/10/2020, quyết định trưng cầu giám định, bản kết luận giám định pháp y tử thi ngày 07/10/2020; các biên bản khám các phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông, các bản ảnh khám nghiệm phương tiện; biên bản định giá tài sản và kết luận định giá tài sản ngày 28/10/2020 của hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bắc Quang đối với xe ô tô biển kiểm soát 29LD - 031.62 và mô tô biển kiểm soát 23G1 - 095.91 cùng tài liệu khác có trong hồ sơ, có đủ cơ sở xác định: Ngày 29/9/2020 Trần Văn T điều khiển xe ô tô chở hàng lên Hà Giang đến khu vực Km 48 + 700 Quốc lộ II, thuộc thôn T, xã V, huyện B, khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông tránh xe đi ngược chiều đã không đi về bên phải theo chiều đi của mình lấn sang phần đường bên trái va chạm vào xe mô tô do Triệu Văn Đ điều khiển dẫn đến tai nạn giao thông vi phạm khoản 1 Điều 17 Luật giao thông đường bộ. Hậu quả làm anh Triệu Văn Đ tử vong và làm chiếc xe ô tô và xe mô tô bị hư hỏng có tổng giá trị thiệt hại là 18.057.000 đồng (*Mười tám triệu không trăm năm mươi bảy nghìn đồng*). Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân đã truy tố là đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, có mức hình phạt là phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm, hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm tới trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đồng thời xâm phạm đến tính mạng, tài sản của người khác là khách thể được pháp luật Hình sự Việt Nam bảo vệ. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đã được cấp giấy phép lái xe mô tô hạng D buộc bị cáo phải nhận thức được khi tham gia giao thông phải chấp hành các quy định về an toàn giao thông đường bộ. Nhưng trong quá trình tham gia giao thông đường bộ, bị cáo điều khiển phương tiện tránh xe đi ngược chiều đã không đi về bên phải theo chiều đi của mình, mà đi lấn sang phần đường bên trái va chạm vào xe mô tô do Triệu Văn Đ điều khiển gây tai nạn giao thông vi phạm khoản 1 Điều 17 Luật Giao thông đường bộ và vi phạm điểm a khoản 7 Điều 5 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ, dẫn đến làm chết một người và gây thiệt hại phần nào về tài sản. Do vậy, cần xử lý bị cáo với mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra nhằm giáo dục đối với bị cáo nói riêng và đề phòng ngừa chung.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của người phạm tội: Trong vụ án này bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhưng có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là từ giai đoạn điều tra đến giai đoạn xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, quá trình xảy ra vụ

án đã cùng gia đình tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả. Đồng thời, người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự và đề nghị cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, ngoài lần phạm tội này ra bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật của Nhà nước, có nơi cư trú rõ ràng và là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng loại hình phạt cải tạo không giam giữ như đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị đối với bị cáo tại phiên tòa là phù hợp. Đồng thời, xét thấy bị cáo hiện tại không có thu nhập ổn định, gia đình hoàn cảnh khó khăn, nên miễn khấu trừ thu nhập theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật Hình sự, nhưng cần phải áp dụng quy định tại khoản 4 Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo công việc không ổn định, hoàn cảnh khó khăn, do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

[8] Trong vụ án này, bị hại Triệu Văn Đ khi điều khiển xe mô tô tham gia giao thông không đội mũ bảo hiểm, không có giấy phép lái xe, kết quả kiểm tra hơi thở có nồng độ cồn là 0,302mg/l khí thở vi phạm điểm c, khoản 7 Điều 6 Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ, tuy nhiên do bị hại đã chết nên không đề cập xử lý.

[9] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Hữu T, quá trình điều tra xác định bị hại Triệu Văn Đ tự ý lấy xe mô tô của B đi, B không biết nên cơ quan Công An không xem xét xử lý là phù hợp.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Tại giai đoạn điều tra bị cáo đã cùng gia đình tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả. Cụ thể đã bồi thường cho gia đình bị hại tổng số tiền 83.000.000đ (*Tám mươi ba triệu đồng*). Ông Triệu Văn M (Bố đẻ của bị hại) đã tự nguyện bồi thường chiếc xe mô tô 23G1 - 095.91 bị hư hỏng cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Hữu T số tiền 4.000.000đ (*bốn triệu đồng*). Nay đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không còn yêu cầu nào khác về trách nhiệm dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Đối với giá trị thiệt hại của chiếc xe ô tô BKS 29LD - 031.62, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa Công ty TNHH Vận tải Q, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[12] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang đã thu giữ một số vật chứng để điều tra vụ án. Tuy nhiên, tại giai đoạn điều tra Cơ quan Công an huyện Bắc Quang đã trả lại một số vật chứng theo biên bản trả lại tài sản, ngày 28/12/2020 (Bút lục 73, 74) theo quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[13] Đối với vật chứng là 01 (một) tệp video có tên "20200929161537.dav" thời lượng 01 phút 14 giây được lưu trữ trong 01 (một) đĩa DVD-R màu trắng - vàng, dung lượng 4,7 GB, đựng trong phong bì kín có dấu niêm phong của Viện khoa học hình sự, Bộ công an, có tên và chữ ký của những người tham gia niêm phong được bảo quản trong hồ sơ vụ án cần tiếp tục bảo quản trong hồ sơ vụ án.

[14] Đối với vật chứng thu giữ còn lại là 01 (một) giấy phép lái xe hạng D số 260180016439 mang tên Trần Văn T, Hội đồng xét xử xét thấy không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo theo quy định tại Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 46 của Bộ luật Hình sự .

[15] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260, Điều 36, điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 46 của Bộ luật Hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 136, các Điều 331, 333, 336, 337 của Bộ luật tố Tụng hình sự; Điều 3, Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

2. Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Trần Văn T 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong 01 ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo Trần Văn T được tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, thành phố H nhận được Bản án và Quyết định thi hành án. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Trường hợp người chấp hành án đi khỏi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

- Miễn khấu trừ thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Văn T.

3. Về xử lý vật chứng:

- Trả lại cho bị cáo Trần Văn T 01 (một) giấy phép lái xe hạng D số 260180016439 mang tên Trần Văn T, ngày sinh: 20/9/1993, nơi cư trú X. C, H. M, TP. Hà Nội có giá trị đến ngày 30/8/2023.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25 tháng 3 năm 2021, giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang).

4. Về án phí: Bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đại diện hợp pháp của người bị hại, bị đơn dân sự và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án sao hoặc được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Công an huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND x.C, h.M, thành phố Hà Nội;
- Những người tham gia tố tụng;
- Bộ phận THA hình sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đàm Thị Tư

